

STT	Mã SV	Mã lớp	Họ lót	Tên	Điểm 1	Điểm 2	Điểm
1	14120075	DH14KM	Hoàng	Anh		3	2.4
2	11123255	DH11KE	Vilayson	Bouleth		5	4.0
3	13123009	DH13KE	Dương Thiện	Châu	8	4.5	5.2
4	14122012	DH14TM	Nguyễn Huỳnh Bảo	Cương	6	3.5	4.0
5	13123032	DH13KE	Đỗ Hà Nhật	Đăng			
6	12124110	DH12QD	Lê Quốc	Dững		5	4.0
7	14122224	DH14TM	Nguyễn Quách Trí	Dững	10	7.5	8.0
8	13155079	DH13KN	Hoàng Nam	Dương	8	3	4.0
9	14124043	DH14QLA	Tôn Thùy	Dương	7	6	6.2
10	12123112	DH13KE	Nguyễn Thị Trường	Giang		5	4.0
11	14122032	DH14TM	Nguyễn Ngọc	Hân	3		0.6
12	13124119	DH13QD	Nguyễn Xuân Vũ	Hoài		2.5	2.0
13	12124028	DH12QL	Nguyễn Văn	Hoàng	3		0.6
14	13122286	DH13TM	Đoàn Trung	Hoàng	9	7	7.4
15	13120220	DH13KM	Trần Văn	Hoành			
16	13122297	DH13TC	Lê Phi	Hùng		6	4.8
17	13155134	DH13KN	Trần Thị Mỹ	Hường	1	5.5	4.6
18	13120270	DH13KM	Nguyễn Phạm Hoàng	Linh	5	7	6.6
19	12155099	DH12KN	Nguyễn Nhựt	Minh	6	4	4.4
20	12122178	DH12QT	Lê Hoài	Nam		6.5	5.2
21	14120143	DH14KM	Đình Nguyễn Bích	Ngọc	6	6	6.0
22	14122319	DH14QT	Trần Thị Hồng	Ngọc		4	3.2
23	14124177	DH14QLB	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	7	4.5	5.0
24	13155187	DH13KN	Huỳnh Lữ	Nhi	4	7.5	6.8
25	14155087	DH14KN	Hồ Thị	Nhi	8	4.5	5.2
26	13123197	DH13KEGL	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	6	3	3.6
27	14122338	DH14TM	Huỳnh ý	Như	4		0.8
28	11122131	DH11QT	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	7	4	4.6
29	14122105	DH14TM	Lê Thị Kim	Oanh	5	5	5.0
30	13124870	DH13QL	Silavong	Phetpaphanh			
31	14124229	DH14QLA	Đoàn Thanh	Phong	8	5	5.6
32	14122349	DH14QT	Bạch Nguyên	Phúc		6.5	5.2
33	14124236	DH14QLA	Nguyễn Thị	Phúc	9	5.5	6.2
34	14124247	DH14QLB	Nguyễn Tấn	Phước	8	6.5	6.8
35	11124107	DH11QL	Ngô Thiệu	Quân			
36	14120162	DH14KM	Vũ Mạnh	Quân	7	5	5.4
37	13120359	DH13KM	Phạm Thúy	Quỳnh		6	4.8
38	12124272	DH12QL	Nguyễn Hoàng	Sơn			
39	14122119	DH14TM	Hà Thanh	Tài		1.5	1.2
40	12120300	DH12KM	Nguyễn Linh	Tâm			
41	14124284	DH14QLA	Lê Hữu	Tâm	8	5.5	6.0
42	13333476	CD13CQ	Nguyễn Quang	Thành	5	6.5	6.2
43	14124304	DH14QLA	Trần Phương	Thảo	9	5	5.8

44	14124321	DH14QLA	Trần Thị Ngân	Thơ	4	7	6.4
45	12122060	DH12QT	Trần Minh	Tiến	5	6.5	6.2
46	13124421	DH13QL	Lê Thị Bích	Trâm	5	4	4.2
47	13122427	DH13TM	Trần Thế Ngọc	Trâm		2	1.6
48	13124415	DH13DC	Trần Thị	Trang	4	5	4.8
49	14120057	DH14KM	Lê Thị	Trang	7	8.5	8.2
50	14124387	DH14QLA	Nguyễn Mạnh Đăng	Trình		3.5	2.8
51	12124389	DH12QL	Nguyễn Châu Quỳnh	Trọng	5	6.5	6.2
52	13120443	DH13KM	Phạm Hoàng Thanh	Trúc		5.5	4.4
53	13123170	DH13KE	Tô Thanh	Trúc	9	6.5	7.0
54	12124347	DH12QL	Trần Thanh	Vân	5	4	4.2
55	13120495	DH13KM	Văn Thị Hải	Yến		5.5	4.4